|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**LUẬT GIÁ CỦA QUỐC HỘI HIỆN HÀNH VỚI LUẬT GIÁ SỐ 16/2023/QH15**

| **STT** | **LUẬT GIÁ SỐ 16/2023/QH15** | **DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG****MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁ**  | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá, thẩm định giá; kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá. | - Thực hiện Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đã đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 2 cấp ở Trung ương và địa phương, trong đó: *“Kết thúc hoạt động Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ*. Đồng thời, tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ: *“đ) Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước cảu Bộ không có Thanh tra Bộ;”.* Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất bỏ nội dung quy định về “*thanh tra chuyên ngành về giá*” tại Điều 1 Luật Giá 2023.- Tại Điều 61 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 quy định về hoạt động “*kiểm tra chuyên ngành*” của các cơ quan quản lý nhà nước. Vì vậy, Bộ Tài chính đề xuất sửa cụm từ “*kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá*” thành “*kiểm tra chuyên ngành về giá*” |
| 2 | **Điều 12**6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 12**6. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. | Tương tự nội dung thuyết minh tại Điều 1 |
| 3 | **Điều 14**13. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thanh tra. | **Điều 14**Bãi bỏ khoản 13 | Tương tự nội dung thuyết minh tại Điều 1 |
| 4 | **Điều 14**14. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. | **Điều 14**14. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá | Tương tự nội dung thuyết minh tại Điều 1 |
| 5 | **Điều 15**11. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá | **Điều 15**11. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, hoạt động thẩm định giá của Nhà nước theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá | Tương tự nội dung thuyết minh tại Điều 1 |
| 6 | **Điều 16**10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. | **Điều 16**10. Kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá | Tương tự nội dung thuyết minh tại Điều 1 |
| 7 | **Điểm b, Khoản 2, Điều 20**b) Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương, sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường | **Điểm b, Khoản 2, Điều 20**b) Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương, sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường | Thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025, trong đó quyết nghị kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước từ ngày 1/7/2025, Bộ Tài chính đã đề xuất trình Chính phủ đưa vào sửa đổi tại điều 32 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ chuyển trách nhiệm tổ chức triển khai bình ổn giá của UBND cấp huyện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 chuyển xuống cho UBND cấp xã thực hiện. Tại Khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 quy định: *“1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này.”*. Đồng thời, tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định Nghị định này hết hiệu lực kề từ ngày 01/3/2027.Theo đó, để thống nhất pháp luật và đảm bảo không có khoảng trống pháp lý khi Nghị định số 125/2025/NĐ-CP hết hiệu lực sau ngày 28/2/2027, Bộ Tài chính trình Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá năm 2023 theo như nội dung quy định hiện hành tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP. |
| 8 | **Điều 44**2. Người tham dự kỳ thi cấp thẻ thẩm định viên về giá phải có đủ các điều kiện sau đây:a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;c) Có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá phù hợp với lĩnh vực chuyên môn dự thi do cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo về thẩm định giá cấp, trừ trường hợp có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá. | **Điều 44**Bãi bỏ điểm a khoản 2 | Căn cứ Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Bộ Chính trị đã có chủ trương xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý và thực hiện chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, Bộ Tài chính đề xuất bỏ nội dung “Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ” tại điểm a khoản 2 Điều 44, điểm a khoản 1 Điều 45 và bỏ nội dung “Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký ngành, nghề kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp” tại khoản 1 Điều 48 của Luật Giá 2023. Đồng thời, sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 49 Luật Giá để cụ thể, dễ hiểu hơn. |
| 9 | **Điều 45**1. Người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;b) Có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động đang còn hiệu lực với doanh nghiệp mà người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá, trừ trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;c) Có tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá với trình độ đại học trở lên từ đủ 36 tháng. Trường hợp làm việc với trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng theo quy định của pháp luật thì tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ đủ 24 tháng;d) Đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;đ) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này. | **Điều 45**Bãi bỏ điểm a khoản 1 |
| 10 | **Điều 48**1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký ngành, nghề kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này | **Điều 48**1. Doanh nghiệp thẩm định giá là doanh nghiệp được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Luật này |
| 11 | **Điểm b, Khoản 1, Điều 49**b)Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật này; đồng thời doanh nghiệp phải có ít nhất 02 thành viên góp vốn hoặc 02 cổ đông phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp.Trường hợp thành viên góp vốn hoặc cổ đông là tổ chức thì người đại diện theo ủy quyền của của tổ chức góp vốn phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp; tổng phần vốn góp của các thành viên là tổ chức không quá 35% vốn điều lệ. Tổng số vốn góp của các thành viên hoặc cổ đông là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp. | **Điểm b, Khoản 1, Điều 49**b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật này; đồng thời doanh nghiệp phải có ít nhất 02 thành viên góp vốn hoặc 02 cổ đông phải là người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp. Tổng số vốn góp của các thành viên hoặc cổ đông có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.Trường hợp thành viên góp vốn hoặc cổ đông là tổ chức thì tổng phần vốn góp của các thành viên tổ chức không quá 35% vốn điều lệ |
| 12 | **Chương VII****THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ** | **Chương VII****KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ** | Tương tự nội dung thuyết minh tại Điều 1 |
| 13 | **Điều 67. Mục đích của thanh tra, kiểm tra**1. Mục đích của thanh tra về giá, thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.2. Mục đích của kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá nhằm góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đem lại tác động tích cực trong công tác quản lý điều hành giá, thẩm định giá; nắm bắt tồn tại, hạn chế để nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá; phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 67. Mục đích, nguyên tắc kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá**  1. Mục đích kiểm tra chuyên ngành về giá nhằm góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; nắm bắt tồn tại, hạn chế để nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá; phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá. 2. Công tác kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá phải bảo đảm nguyên tắc sau đây: a) Thực hiện theo kế hoạch, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm; b) Không trùng lặp về phạm vi, thời gian với hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị; c) Khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; d) Không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra. |
| 14 | **Điều 68. Nguyên tắc thanh tra, kiểm tra**1. Công tác thanh tra phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quy định tại pháp luật về thanh tra.2. Công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:a) Thực hiện theo kế hoạch, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm;b) Không trùng lặp về phạm vi, thời gian với hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, kiểm tra cùng lĩnh vực đối với một đơn vị;c) Khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;d) Hạn chế cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng được kiểm tra. | **Điều 68. Phạm vi và đối tượng kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá** 1. Phạm vi kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá: a) Kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về các biện pháp quản lý, điều tiết giá được quy định tại chương IV của Luật này và các pháp luật khác; b) Kiểm tra việc chấp hành các chính sách, pháp luật về thẩm định giá được quy định tại Luật này; 2. Đối tượng kiểm tra a) Cơ quan Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá;b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;c) Các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của hoạt động quản lý, điều tiết giá. |
| 15 | **Điều 69. Thời hạn thanh tra, kiểm tra**1. Thời hạn thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.2. Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 10 ngày và được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 10 ngày. Biên bản kiểm tra phải được lập trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. | **Điều 69. Thời hạn kiểm tra** 1. Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 10 ngày và được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 10 ngày. 2. Biên bản kiểm tra phải được lập trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. |
| 16 | **Điều 70. Trách nhiệm thanh tra, kiểm tra**1. Cơ quan thanh tra tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá theo quy định của pháp luật về thanh tra.2. Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá, giao nhiệm vụ kiểm tra cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc.Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá. | **Điều 70. Trách nhiệm kiểm tra** 1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm kiểm tra chuyên ngành về giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá. Bộ, cơ quan ngang Bộ được ủy quyền hoặc phân cấp nhiệm vụ kiểm tra cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kiểm tra chuyên ngành về giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền hoặc phân cấp nhiệm vụ kiểm tra theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
| 17 | **Điều 71. Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra và trách nhiệm xử lý**1. Báo cáo kết quả thanh tra và trách nhiệm xử lý kết quả thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.2. Báo cáo kết quả kiểm tra phải nêu rõ kết quả công việc kiểm tra; đề xuất những nội dung kiến nghị xử lý về kinh tế, hành chính, pháp luật (nếu có) với đối tượng kiểm tra; đề xuất kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật (nếu có); kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra, kiến nghị, quyết định xử lý về kiểm tra (nếu có). | **Điều 71. Trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá**1. Việc kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá do Đoàn kiểm tra được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành lập. 2. Trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá phải đảm bảo công khai, minh bạch, quy định rõ quyền và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, Đoàn kiểm tra và đối tượng kiểm tra. 3. Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá  |
| 18 | **Điều 72. Xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá**1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định của pháp luật.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này, ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này còn bị đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng.3. Chính phủ quy định chi tiết về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, việc đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng. | **Điều 72. Xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá** 1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định của pháp luật.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này còn bị đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng. 3. Chính phủ quy định chi tiết về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; việc đăng tải thông tin vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá trên phương tiện thông tin đại chúng. |
| 19 | **Điểm b, Khoản 3, Điều 73**“a) Bộ Giao thông vận tải định giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt trên kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư theo quy định của pháp luật về giá;”. | Khoản 3 Điều 1a) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại Điểm b Khoản 3 Điều 73 thành “Bộ Xây dựng” và tại Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật giá số 16/2023/QH15 thành “Bộ Xây dựng”. | Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV sửa đổi bổ sung tên gọi của các Bộ, cụ thể như Bộ Giao thông vận tải thành Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành Bộ Nội vụ; Bộ Thông tin và Truyền thông thành Bộ Khoa học và Công nghệ.  |
|  | **Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật giá số 16/2023/QH15** |
| 20 | **Khoản 4 Điều 73**“3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân” | Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 4, khoản 5 Điều 73 và tại Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15thành “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” |
|  | **Khoản 5 Điều 73**2. Thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước được quy định như sau:a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo phương thức đặt hàng:Bộ Tài chính định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý trên cơ sở giá tối đa do Bộ Tài chính ban hành; |
|  | **Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật giá số 16/2023/QH15** |
|  | **Khoản 12 Điều 73**Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết mức trần giá dịch vụ theo hợp đồng môi giới phù hợp với từng thị trường, ngành, nghề, công việc cụ thể theo từng thời kỳ có người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Thay thế cụm từ “Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội” tại khoản 12 Điều 73 và tại Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15 thành “Bộ Nội vụ” |
|  | **Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật giá số 16/2023/QH15** |
|  | **Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật giá số 16/2023/QH15** | Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” tại Phụ lục số 02 Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15 thành “Bộ Khoa học và Công nghệ”. |
| 20 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 2 | Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống cho sản xuất điện | Bộ CôngThươngđịnh giácụ thể |

 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 2 | Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể |

 | Bảo đảm đồng bộ với Luật Điện lực số 61/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 30/11/2024 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại |
| 21 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 17 | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở trung ương | - Bộ Tài chính định giá tối đa- Các cơ quan, tổ chức ở trung ương định giá cụ thể |
| Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể |

 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 17 | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành (không bao gồm dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt), sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở trung ương | - Bộ Tài chính định giá tối đa- Các cơ quan, tổ chức ở trung ương định giá cụ thể |
| Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể |

 | Bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và Điều 56 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026) |
| 22 | Không quy định |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 43 | Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể |

 | Theo ý kiến của một số địa phương (STC. Hậu Giang, STC. Thái Bình, Ban Quản lý các KCN tỉnh Sơn La)  |